TOÀ ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ V
TỈNH PHÚ THỌ

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 13/2018/DS-ST
Ngày 21 tháng 6 năm 2018
"*V/v Tranh chấp hợp đồng vay tài sản*"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TOÀ ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ V - PHÚ THỌ

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Hà Công Cẩn
Các Hội thẩm nhân dân: Ông Lã Ngọc Tường
Ông Lê Văn Hiền

- ***Thư ký phiên tòa***: Bà Nguyễn Cẩm Vân, thư ký Tòa án nhân dân thành phố V.

- ***Đại diện viện kiểm sát nhân dân thành phố V***: Bà Lê Thị Thanh Hải - kiểm sát viên.

Ngày 21 tháng 6 năm 2018, tại trụ sở Toà án nhân dân thành phố V xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 108/2017/TLST- DS ngày 02 tháng 10 năm 2017 về việc: "*Tranh chấp hợp đồng vay tài sản*" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 980/2018/QĐST - DS ngày 10 tháng 5 năm 2018 và quyết định hoãn phiên tòa số: 1053/2018/QĐST - HPT ngày 24/5/2018 giữa các đương sự:

* Nguyên đơn: Ông **Đào Thái H**, sinh năm 1969
Địa chỉ: khu 9, xã C, TP. V, tỉnh Phú Thọ.
(Có mặt)

* Bị đơn: Ông **Trần Thạch P**, sinh năm 1971
Địa chỉ: khu 9, xã C, TP. V, tỉnh Phú Thọ.
(Có mặt)

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho ông Trần Thạch P là ông **Lê H**, sinh năm 1984, địa chỉ: tổ 10, phường T, TP. V, tỉnh Phú Thọ là luật sư thuộc công ty luật trách nhiệm hữu hạn A.

(Có mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

- Theo đơn khởi kiện và các lời khai tại Toà án nguyên đơn ông Đào Thái H trình bày: Do có mối quan hệ quen biết cùng khu nên ngày 12/6/2014 ông có cho ông Trần Thạch P vay số tiền là 45.000.000đ (bốn mươi lăm triệu đồng). Khi vay hai bên có làm cam kết cầm đồ ngày 12/6/2014, thời gian vay là 01 năm, lãi suất hai bên thỏa thuận là 15%/năm. Khi vay ông P có nói mục đích là cho con đi nước ngoài). Khi đến hạn trả nợ ông P không trả được khoản tiền trên cho ông cả gốc và lãi mặc dù ông đã đòi nhiều lần. Tại phiên tòa, ông đề nghị ông P trả 45.000.000đ (bốn mươi lăm triệu đồng) tiến gốc và ông không đề nghị ông P phải trả lãi.

- Phía bị đơn là ông Trần Thạch P trình bày: ông cho rằng ông không vay mượn gì ông H nên ông không nhất trí trả ông H. Về bản hợp đồng cam kết cầm đồ ngày 12/6/2014 ông không nhất trí với nội dung vay tiền nêu trên. Về chữ ký, chữ

viết Trần Thạch P trong mục vay tiền tại bản hợp đồng cam kết cầm đồ ngày 12/6/2014 theo bản tự khai ngày 06/11/2017 ông cho rằng chữ ký, chữ viết không phải là của ông nhưng tại biên bản hòa giải ngày 19/4/2018 ông thừa nhận chữ ký (P), chữ viết (Trần Thạch P) là của ông. Tại phiên tòa ông P vẫn cho rằng ông không có vay gì của ông H chữ viết số tiền đã nhận bằng 45.000.000đ bằng chữ: bốn mươi lăm triệu lãi suất 15%/năm vay từ ngày 02/6/2014 đến ngày 12/6/2015 ông không được viết, ông đề nghị giám định.

* Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho bị đơn là ông Lê H trình bày: Đây là cửa hàng cầm đồ thì người đại diện mới là người khởi kiện, cần giám định chữ viết của người viết nội dung số tiền mà anh P vay và cần bác yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

Trong quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn là anh Đào Thái H có đơn đề nghị giám định chữ ký, chữ viết của anh Trần Thạch P trong hợp đồng cam kết cầm đồ ngày 12/6/2014 và nộp số tiền 2.000.000đ (hai triệu đồng) để thực hiện việc giám định.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố V tham gia phiên toà phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, Hội đồng xét xử; việc chấp hành pháp luật của những người tham gia tố tụng dân sự kể từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án. Phát biểu quan điểm về nội dung vụ án theo hướng cần tạm ngừng phiên tòa để làm rõ vì chưa giám định tuổi mực và chưa đối chất giữa các đương sự với nhau.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được xem xét tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa hội đồng xét xử nhận định:

[1]. Về tố tụng:

- Về quan hệ tranh chấp và thẩm quyền giải quyết vụ án: ông Đào Thái H có nộp 01 bản gốc hợp đồng cam kết cầm đồ ngày 12/6/2014 với nội dung ông Trần Thạch P đã vay của ông Học 45.000.000đ tiền gốc, vay từ ngày 12/6/2014 đến ngày 12/6/2015 với lãi suất 15%/năm, phần cuối ghi người vay tiền là Trần Thạch P. Xét tính chất của việc cầm cố tài sản tại cửa hàng cầm đồ là hình thức kinh doanh cho vay tiền, đòi hỏi người vay phải có tài sản cầm cố để đảm bảo thực hiện nghĩa vụ nhưng trong hợp đồng cam kết cầm đồ ngày 12/6/2014 không thể hiện ông P có tài sản cầm cố với ông H, tại phiên tòa ông P cũng thừa nhận không dùng bất kỳ tài sản nào để cầm cố cho cửa hàng cầm đồ do ông H làm chủ. Do vậy, đây không phải là tranh chấp hợp đồng cầm cố tài sản mà là tranh chấp hợp đồng vay tài sản giữa nguyên đơn ông Đào Thái H và bị đơn ông Trần Thạch P. Ông P có nơi cư trú tại khu 9, xã C, TP. V, tỉnh Phú Thọ nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thành phố V.

Tại phiên tòa, luật sư của bị đơn cho rằng cần phải đưa bà Phạm Thị Hồng A (vợ của ông H) vào làm người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan. Tuy nhiên, hội đồng xét xử xét thấy, việc ông H cho ông P vay số tiền 45.000.000đ là do ông H huy động vốn mà có, bà A không biết gì về số tiền này và cũng không liên quan đến việc ông H cho ông P vay nên không đưa bà Phạm Thị Hồng A vào tham gia tố tụng với tư cách người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan là phù hợp pháp luật.

[2]. Về nội dung: Tại phiên tòa, ông H đề nghị ông P trả 45.000.000đ tiền gốc mà ông P đã vay. Hội đồng xét xử xét thấy: sự việc ông Trần Thạch P vay tiền ông Đào Thái H là có thật, số tiền vay là 45.000.000đ, thời hạn vay, lãi suất thể hiện rõ trong hợp đồng cam kết cầm đồ ngày 12/6/2014 có chữ ký, chữ viết của người vay tiền là Trần Thạch P. Tại phiên tòa, phía ông P không thừa nhận vay, không nhất trí

trả số tiền trên cho ông H nhưng ông P không có bất cứ tài liệu, chứng cứ chứng minh gì về việc ông không vay tiền của ông H. Tại bản tự khai ngày 6/11/2017 ông P không thừa nhận chữ ký, chữ viết Trần Thạch P trong hợp đồng cam kết cầm đồ ngày 12/6/2014 là của ông P nên Tòa án đã thực hiện trưng cầu giám định tại phòng kỹ thuật hình sự Công an tỉnh Phú Thọ theo đơn yêu cầu giám định của ông H và tại kết luận giám định số: 351/KLGĐ - PC 54 ngày 28/3/2018 đã thể hiện chữ ký dạng chữ viết "P" và các chữ " Trần Thạch P" dưới mục "Người vay tiền (ký ghi rõ họ tên)" trên " Hợp đồng cam kết cầm đồ" (tài liệu cần giám định ký hiệu A) so với chữ ký dạng chữ viết " P" và các chữ " Trần Thạch P" dưới mục "Người khai ký và ghi rõ họ tên; Người nhận" trên " Thông báo về việc thụ lý vụ án; Bản tự khai; Biên bản giao quyết định tạm đình chỉ giải quyết vụ án của Tòa án" (tài liệu mẫu so sánh ký hiện M1, M2, M3) là do cùng một người ký và viết ra; tại biên bản hòa giải ngày 19/4/2018 và tại phiên tòa ông P thừa nhận chữ ký, chữ viết Trần Thạch P hợp đồng cam kết cầm đồ ngày 12/6/2014 ở mục người vay tiền là do ông ký và viết điều này thể hiện ông P có sự khai báo không trung thực về việc vay tiền. Về lời trình bày và đề nghị của luật sư cho rằng đây là cửa hàng cầm đồ thì người đại diện mới là người khởi kiện và cần giám định chữ viết của người viết nội dung số tiền mà anh P vay và yêu cầu bác yêu cầu của nguyên đơn. Hội đồng xét xử xét thấy, theo giấy đăng ký kinh doanh hộ kinh doanh cá thể số 18A.008386 ngày 03/11/2010 của UBND thành phố Vcấp cho hộ ông H để kinh doanh đây là hộ cá thể, việc ông P vay tiền ông H cũng không cầm cố tài sản gì để vay tiền nên ông H có thẩm quyền khởi kiện là đúng pháp luật, về chữ viết số tiền anh P vay hội đồng xét xử thấy không cần phải giám định vì các đương sự đều thừa nhận đây là chữ viết của ông H nên việc giám định là không cần thiết. Về lời trình bày phát biểu của đại diện Viện kiểm sát cho rằng Tòa án chưa đối chất tại những buổi làm việc trước khi xét xử và cần giám định tuổi mực của chữ ký, chữ viết có cùng một lần viết không và đề nghị tạm dừng phiên tòa để làm rõ những vấn đề trên. Hội đồng xét xử xét thấy, việc đối chất trước khi mở phiên tòa cũng không cần thiết đặt ra vì tại phiên tòa đã được hội đồng xét xử cho đối chất, tranh luận công khai không ai có ý kiến gì khác, về giám định chữ ký, chữ viết của người vay đã được thể hiện tại kết luận giám định còn phần anh H viết xác định rõ do anh H viết chẳng phải ai khác viết nên không cần thiết phải giám định và không cần phải tạm dừng phiên tòa. Vì vậy, hội đồng xét xử vẫn tiến hành xét xử theo quy định chung.

Từ những căn cứ trên, cần buộc ông P phải trả cho ông H số tiền gốc đã vay là 45.000.000đ (bốn mươi lăm triệu đồng). Đối với số tiền lãi của số tiền gốc 45.000.000đ. Tại phiên tòa, ông H không đề nghị ông P phải thanh toán nên hội đồng xét xử không đặt ra xem xét.

Đối với số tiền tạm ứng giám định là 2.000.000đ mà ông H đã nộp để thực hiện việc giám định cần buộc ông P phải thanh toán cho ông H do yêu cầu của ông H được chấp nhận.

Kể từ ngày ông H có đơn yêu cầu thi hành án, nếu ông P chậm trả tiền thì ông P phải trả lãi đối với số tiền chậm trả tương ứng với thời gian chậm trả.

[3]. Về án phí dân sự sơ thẩm: ông P phải chịu án phí dân sự sơ thẩm do yêu cầu của ông H được chấp nhận. Hoàn trả lại cho ông H số tiền tạm ứng án phí đã nộp.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH

[1]. Áp dụng: Điều 463, 465, 466, Khoản 1 Điều 357 Bộ luật dân sự 2015; Khoản 1 Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015; Khoản 2 Điều 26 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của ủy ban thường vụ quốc hội.

[2]. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Đào Thái H.

Buộc ông Trần Thạch P phải trả cho ông Đào Thái H số tiền gốc là 45.000.000đ (bốn mươi lăm triệu đồng).

Buộc ông Trần Thạch P phải hoàn trả cho ông Đào Thái H số tiền tạm ứng giám định là 2.000.000đ (hai triệu đồng).

Kể từ ngày ông H có đơn yêu cầu thi hành án, nếu ông P chậm trả tiền thì ông P phải trả lãi đối với số tiền chậm trả tương ứng với thời gian chậm trả.

[3]. Về án phí: Ông Trần Thạch P phải chịu 2.250.000đ (hai triệu hai trăm năm mươi nghìn đồng) tiền án phí dân sự sơ thẩm. Hoàn lại cho ông Đào Thái H số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 1.125.000đ (một triệu một trăm hai mươi lăm nghìn đồng) theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí số: 0002700 ngày 02/10/2017 tại Chi cục thi hành án dân sự thành phố V).

[4]. Đương sự có mặt có quyền kháng cáo bản án sơ thẩm trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án sơ thẩm để đề nghị Tòa án nhân dân tỉnh xét xử theo trình tự phúc thẩm.

Trường hợp bản án được thi hành theo qui định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo qui định tại các điều 6,7,7a và 9 luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo qui định tại điều 30 Luật thi hành án dân sự./.

Nơi nhận:
- VKSND tỉnh, TP
- Thi hành án
- Đương sự
- UBND xã C
- Lưu hồ sơ, án văn

T/M hội đồng xét xử sơ thẩm
Thẩm phán - chủ toạ phiên toà

Hà Công Cẩn